

d. Bang

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2005/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành "Quy chế quản lý Chương trình xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010"

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16/01/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003;

Căn cứ Quyết định số 122/2004/QĐ-TTg ngày 05/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010";

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010" và các Ông Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế quản lý Chương trình xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010".

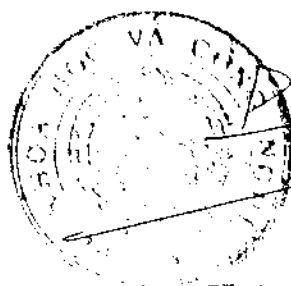
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Ông Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Chánh Văn phòng Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010", Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo Chương trình NTMN;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục KTVB, Bộ Tư pháp;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu VT, VP Chương trình NTMN, Vụ KHCNN, Vụ KHTC.

BỘ TRƯỞNG



Hoàng Văn Phong



QUY CHẾ

Quản lý Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội nông thôn và miền núi" giai đoạn từ nay đến năm 2010

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2005/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Quy chế này áp dụng cho việc quản lý Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi" từ nay đến năm 2010 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 122/2004/QĐ-TTg ngày 05/7/2004 (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Chương trình bao gồm các dự án: xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ, phát triển hệ thống thông tin khoa học và công nghệ nông thôn, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ (sau đây viết tắt là dự án) nhằm đưa tiến bộ khoa học và công nghệ vào ứng dụng phục vụ phát triển nông thôn và miền núi, được tập hợp để thực hiện mục tiêu và nội dung của Chương trình.

3. Các dự án thuộc Chương trình bao gồm hai nhóm: nhóm các dự án do Trung ương quản lý và nhóm các dự án uỷ quyền cho địa phương quản lý.

- Các dự án thuộc nhóm do Trung ương quản lý là các dự án tập trung hỗ trợ các địa phương xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề:

+ Có tầm quan trọng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, có quy mô lớn, có ảnh hưởng liên vùng hoặc một vùng kinh tế trọng điểm;

+ Ứng dụng các công nghệ mới so với địa phương, có nội dung khoa học và công nghệ tiên tiến thích hợp, đòi hỏi sự phối hợp của nhiều chuyên gia thuộc nhiều chuyên ngành, nhiều tổ chức khoa học và công nghệ, đặc biệt đòi hỏi phải có sự huy động các lực lượng khoa học và công nghệ từ Trung ương về hỗ trợ địa phương;

Các dự án thuộc nhóm do Trung ương quản lý được Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp chỉ đạo thực hiện.

- Các dự án thuộc nhóm uỷ quyền cho địa phương quản lý là các dự án hỗ trợ địa phương triển khai áp dụng các công nghệ tiên tiến hơn so với các công nghệ hiện có ở địa phương và phù hợp với năng lực tổ chức, chỉ đạo của địa phương. Các dự án thuộc nhóm này do Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố) phê duyệt và giao cho Sở Khoa học và Công nghệ giúp Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo thực hiện.

4. Thời gian thực hiện dự án tối đa là 36 tháng. Riêng đối với các dự án trồng các loại cây lâu năm, trồng rừng, phát triển vùng nguyên liệu kết hợp chế biến và một số đối tượng đặc biệt khác, thời gian có thể kéo dài hơn nhưng không vượt quá 60 tháng và do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

5. Dự án được thực hiện thông qua ký kết hợp đồng.

Điều 2.

Những công nghệ được chọn để chuyển giao phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Những công nghệ được tạo ra trong nước đã được đánh giá, phê duyệt cho phép ứng dụng và chuyển giao ở các cấp quản lý, tiên tiến hơn so với công nghệ hiện có của địa phương, hoặc các công nghệ nhập từ nước ngoài

nhưng phải chứng minh được tính thích nghi và khả năng làm chủ công nghệ đó của cơ quan chuyển giao công nghệ;

2. Các công nghệ phải hướng vào giải quyết những vấn đề có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế – xã hội của địa phương và bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái;

3. Các công nghệ đã có quy trình kỹ thuật ổn định và phù hợp với khả năng tiếp thu của người dân vùng dự án.

Điều 3.

Việc xác định, lựa chọn và triển khai thực hiện dự án được tổ chức hàng năm và tiến hành theo các bước như sau:

Bước 1. Hàng năm theo tiến độ xây dựng kế hoạch, các Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào mục tiêu, nội dung của Chương trình và tiêu chí lựa chọn dự án đối với từng vùng, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về mục tiêu, nội dung, địa bàn và quy mô của các dự án thuộc phạm vi Chương trình để tổng hợp trong kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh, thành phố. Sau khi thảo luận kế hoạch hàng năm với các sở và các ban ngành ở địa phương, dự án được hoàn chỉnh, bổ sung để xin ý kiến của Hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành phố.

Bước 2. Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt danh mục các dự án do địa phương quản lý và lập danh mục các dự án do Trung ương quản lý đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét hỗ trợ kinh phí thực hiện.

Bước 3. Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu, nội dung của Chương trình đã được Ban Chỉ đạo Chương trình cụ thể hoá và trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố:

- Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xem xét, lựa chọn, xác định danh mục các dự án do Trung ương quản lý, danh mục các dự án uỷ quyền cho địa phương quản lý và kinh phí hỗ trợ đối với các dự án uỷ quyền cho địa phương quản lý để giao nhiệm vụ cho các địa phương thực hiện;

- Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học và công nghệ cấp nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt dự án, kinh phí thực

hiện đối với các dự án do Trung ương quản lý để bố trí các dự án vào kế hoạch và giao nhiệm vụ cho các cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án tổ chức thực hiện.

Bước 4. Văn phòng Chương trình cùng với Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tiến hành ký kết hợp đồng thực hiện dự án với cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án đối với các dự án do Trung ương quản lý. Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố ký kết hợp đồng thực hiện dự án với cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án đối với các dự án uỷ quyền cho địa phương quản lý.

Bước 5. Trên cơ sở hợp đồng thực hiện dự án cơ quan chủ trì dự án và chủ nhiệm dự án tiến hành ký các hợp đồng chuyển giao công nghệ với các tổ chức khoa học và công nghệ có công nghệ chuyển giao được lựa chọn.

Điều 4.

1. Cơ quan chủ quản dự án đối với các dự án thuộc nhóm do Trung ương quản lý là Bộ Khoa học và Công nghệ và đối với các dự án thuộc nhóm uỷ quyền cho địa phương quản lý là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2. Cơ quan chủ trì dự án là một đơn vị có tư cách pháp nhân và là đơn vị trực tiếp thực hiện dự án, tiếp thu và thụ hưởng kết quả của dự án.

3. Cơ quan chuyển giao công nghệ là tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam có công nghệ, có lực lượng cán bộ khoa học am hiểu và làm chủ được công nghệ cần chuyển giao, có kinh nghiệm chuyển giao công nghệ vào địa bàn nông thôn, miền núi.

4. Chủ nhiệm dự án là cán bộ thuộc cơ quan chủ trì dự án, có chuyên môn phù hợp và có trình độ từ tốt nghiệp cao đẳng trở lên.

Điều 5.

Mã số của các dự án thuộc Chương trình được ghi như sau: NTMN.DA.TW(ĐP).XX-20YY, trong đó:

NTMN là ký hiệu chung cho Chương trình NTMN, DA là ký hiệu dự án;

1. Nhóm ký hiệu TW(ĐP) là dự án do Trung ương quản lý hoặc uỷ quyền cho địa phương quản lý (ĐP);

2. Nhóm 2 chữ số (XX) là số thứ tự của dự án;

3. Chữ số YY là số biểu thị năm bắt đầu thực hiện dự án.

Ví dụ: NTMN.DA.TW.01-2005;
NTMN.DA.ĐP.01-2005.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH , DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 6.

1. Chương trình có Ban Chỉ đạo Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Trưởng ban, một đồng chí Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Phó trưởng ban thường trực và các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình là đại diện lãnh đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản, Ủy ban Dân tộc và Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực của Chương trình.

2. Ban Chỉ đạo Chương trình có Văn phòng giúp việc. Văn phòng Chương trình (sau đây gọi tắt là Văn phòng) gồm Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng và có 04 đến 06 cán bộ giúp việc. Cán bộ giúp việc của Văn phòng là cán bộ chuyên trách, hoặc kiêm nhiệm nhưng phải dành tối thiểu 70% thời gian cho hoạt động của Văn phòng.

3. Các thành viên trong Ban Chỉ đạo Chương trình, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình được thực hiện trên cơ sở có sự thoả thuận bằng văn bản của Thủ trưởng Cơ quan chủ quản quản lý nhân sự. Các cán bộ giúp việc trong Văn phòng do Chánh Văn phòng tuyển dụng và ký hợp đồng lao động sau khi thống nhất ý kiến với Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Văn phòng Chương trình đặt tại cơ quan làm việc của Chánh Văn phòng, được sử dụng bộ máy kế toán và con dấu của tổ chức nơi đặt Văn phòng trong các hoạt động của Chương trình.

Điều 7.

Bộ Khoa học và Công nghệ có các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

1. Chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình theo uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 122/2004/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2004 về việc phê duyệt Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi" từ nay đến năm 2010;

2. Chủ trì và phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xác định các dự án và quyết định phê duyệt danh mục, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án đối với các dự án do Trung ương quản lý;

3. Thành lập các hội đồng khoa học và công nghệ cấp Nhà nước để xem xét, đánh giá hồ sơ thuyết minh dự án đối với các dự án do Trung ương quản lý;

4. Thẩm định nội dung và dự toán kinh phí các nhiệm vụ của Chương trình; phê duyệt nội dung, kinh phí và cơ quan chuyển giao công nghệ đối với từng dự án do Trung ương quản lý, nội dung và kinh phí các hoạt động khác của Chương trình và mức kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Trung ương đối với các dự án uỷ quyền cho địa phương quản lý;

5. Tổng hợp dự toán kinh phí của Chương trình để cân đối trong tổng dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm; giao dự toán kinh phí hoạt động chung của Chương trình và dự toán kinh phí thực hiện các dự án do Trung ương quản lý cho Văn phòng Chương trình; cân đối kinh phí hỗ trợ theo kế hoạch đối với các dự án uỷ quyền cho địa phương quản lý; phối hợp với Bộ Tài chính trong việc giải quyết những vấn đề về tài chính của Chương trình;

6. Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Chương trình; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các dự án thuộc Chương trình;

7. Phê duyệt quyết toán kinh phí của các dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình và kinh phí hoạt động chung của Chương trình;

8. Phê duyệt kế hoạch và kết quả đấu thầu mua sắm thiết bị bằng kinh phí từ ngân sách Nhà nước của các dự án do Trung ương quản lý theo quy định hiện hành;

9. Điều chỉnh mục tiêu, nội dung, hạng mục kinh phí và tiến độ thực hiện các dự án thuộc Chương trình do Trung ương quản lý đã được phê duyệt, đình chỉ và huỷ bỏ hợp đồng khi cần thiết;

10. Xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện hàng năm của Chương trình;

11. Thành lập các hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình do Trung ương quản lý và phê duyệt kết quả đánh giá nghiệm thu;

12. Tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả hoạt động và tổng kết Chương trình.

Điều 8.

Ban Chỉ đạo Chương trình có nhiệm vụ và trách nhiệm sau đây:

1. Cụ thể hoá mục tiêu và nội dung của Chương trình đã được xác định trong Quyết định số 122/2004/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ để làm căn cứ cho việc lựa chọn và bố trí các dự án thuộc Chương trình vào thực hiện trong kế hoạch hàng năm;

2. Xây dựng kế hoạch thực hiện của Chương trình, tổ chức các hoạt động chung của Chương trình;

3. Tổ chức phối hợp lồng ghép các hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi Chương trình với các chương trình và dự án khác có liên quan;

4. Giúp Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xác định danh mục các dự án, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ đối với các dự án do Trung ương quản lý;

5. Chỉ đạo cơ quan chủ trì và cơ quan chuyển giao công nghệ của dự án tổ chức triển khai các dự án theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và kinh phí đã được phê duyệt;

6. Giúp Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện, đánh giá, nghiệm thu, tổng kết các dự án. Đề xuất xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện Chương trình và các dự án;

7. Đề xuất với Bộ Khoa học và Công nghệ khen thưởng đối với các tổ chức và cá nhân có thành tích nổi bật trong quá trình thực hiện dự án và đề xuất các biện pháp xử lý đối với những trường hợp vi phạm quy định về tổ chức và quản lý dự án thuộc Chương trình do Trung ương quản lý.

Điều 9.

Văn phòng Chương trình có nhiệm vụ và trách nhiệm sau đây:

1. Là cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo Chương trình;

2. Soạn thảo trình Trưởng ban Chỉ đạo Chương trình chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Chương trình, chuẩn bị nội dung và điều kiện cần thiết cho các buổi làm việc của Ban Chỉ đạo Chương trình;

3. Tổ chức các cuộc họp hội đồng đánh giá hồ sơ thuyết minh dự án, hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình do Trung ương quản lý;

4. Lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Chương trình theo quy định về bảo mật;

5. Lập dự toán kinh phí hoạt động hàng năm cho hoạt động chung của Chương trình, tổng hợp dự toán kinh phí của Chương trình, tổng hợp quyết toán kinh phí năm của Chương trình trình Ban Chỉ đạo Chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp chung gửi Bộ Tài chính; đề xuất với Bộ Khoa học và Công nghệ việc điều chỉnh nội dung, kinh phí của các dự án thuộc Chương trình do Trung ương quản lý khi cần thiết;

6. Chuẩn bị hợp đồng thực hiện dự án và cùng với Sở Khoa học và Công nghệ ký kết hợp đồng thực hiện dự án đối với các dự án do Trung ương quản lý;

7. Cấp phát kinh phí thực hiện dự án theo hợp đồng cho các dự án do Trung ương quản lý;

8. Xây dựng báo cáo định kỳ sáu tháng về tình hình thực hiện các dự án và Chương trình theo quy định và báo cáo tổng hợp hàng năm gửi Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 31 tháng 3 và 30 tháng 9 hàng năm;

9. Tổ chức kiểm tra và tham gia kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết về tình hình thực hiện các dự án.

10. Định kỳ hàng năm giúp Ban Chỉ đạo Chương trình tổng hợp khối lượng công việc đã thực hiện năm để trình Bộ Khoa học và Công nghệ;

11. Xây dựng báo cáo sơ kết 4 năm, báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Chương trình, tổ chức sơ kết và tổng kết hoạt động của Chương trình;

12. Giúp Bộ Khoa học và Công nghệ làm thủ tục thanh lý hợp đồng đối với các dự án do Trung ương quản lý;

13. Đề xuất với Ban Chỉ đạo Chương trình để kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ khen thưởng đối với các tổ chức và cá nhân có thành tích nổi bật trong quá trình thực hiện dự án và đề xuất các biện pháp xử lý đối với những trường hợp vi phạm quy định về tổ chức, quản lý dự án do Trung ương quản lý;

14. Định kỳ hàng năm, thống kê kết quả hoạt động của Chương trình, bàn giao các kết quả và tài liệu về dự án của Chương trình cho Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 10.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có nhiệm vụ và trách nhiệm sau đây:

1. Xác định danh mục các dự án do Trung ương quản lý trên địa bàn thuộc địa phương mình và kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét lựa chọn;

2. Xác định các dự án và phê duyệt danh mục, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án đối với các dự án uỷ quyền cho địa phương quản lý;

3. Phê duyệt nội dung, kinh phí và cơ quan chuyển giao công nghệ cho các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý và kiến nghị mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Trung ương đối với các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý và giao cho Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện;

4. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và Ban Chỉ đạo Chương trình trong việc kiểm tra, giám sát và đôn đốc cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ thực hiện đúng những điều cam kết trong hợp đồng;

5. Phê duyệt kế hoạch và kết quả đấu thầu mua sắm thiết bị bằng kinh phí từ ngân sách Nhà nước của các dự án thuộc Chương trình ủy quyền cho địa phương quản lý theo quy định hiện hành;

6. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân triển khai thực hiện dự án; chỉ đạo cơ quan chủ trì dự án xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhân rộng kết quả của các dự án của Chương trình vào sản xuất đại trà.

Điều 11.

Sở Khoa học và Công nghệ có nhiệm vụ và trách nhiệm sau đây:

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố:

a. Tổ chức xác định danh mục các dự án, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án, cơ quan chuyển giao công nghệ đối với các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý;

b. Thành lập hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành phố để xem xét, đánh giá hồ sơ thuyết minh các dự án thuộc Chương trình dự kiến sẽ triển khai ở địa phương mình;

c. Tổng hợp danh mục các dự án do Trung ương quản lý trên địa bàn thuộc địa phương mình và mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Trung ương đối với các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý để đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ thực hiện.

2. Chủ trì và phối hợp với Sở Tài chính thẩm định nội dung, dự toán kinh phí của các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý;

3. Cùng với Văn phòng Chương trình ký kết hợp đồng thực hiện dự án với cơ quan chủ trì dự án và chủ nhiệm dự án đối với các dự án do Trung ương quản lý;

4. Ký kết Hợp đồng thực hiện dự án với cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án đối với các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý;

5. Theo dõi, đôn đốc và tham gia kiểm tra tình hình thực hiện, đề xuất với Bộ Khoa học và Công nghệ xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện các dự án thuộc Chương trình do Trung ương quản lý. Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất (khi cần thiết) tình hình thực hiện các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý;

6. Định kỳ hàng năm xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện của các dự án thuộc Chương trình trên cơ sở đánh giá tình hình và kết quả thực hiện dự án của cơ quan chủ trì; tổng hợp dự toán, quyết toán kinh phí của các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định; đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố việc điều chỉnh mục tiêu, nội dung, kinh phí của các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý khi cần thiết;

7. Đôn đốc và hướng dẫn xây dựng báo cáo hàng năm và báo cáo giữa nhiệm kỳ, báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các dự án và tổ chức tổng kết hoạt động của Chương trình trên địa bàn;

8. Thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở đối với các dự án do Trung ương quản lý và hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện đối với các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý;

9. Chủ trì và phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan tổ chức đánh giá giá trị tài sản còn lại sau khi dự án kết thúc, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố để quyết định phương án xử lý tài sản còn lại của các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý;

10. Làm thủ tục thanh lý hợp đồng đối với các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý;

11. Đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố để kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ khen thưởng đối với các tổ chức và cá nhân có thành

tích nổi bật trong quá trình thực hiện dự án và đề xuất các biện pháp xử lý những trường hợp vi phạm quy định về tổ chức, quản lý dự án;

12. Lưu giữ hồ sơ, tài liệu của các dự án theo quy định về bảo mật và bàn giao những tài liệu cần thiết về dự án cho Bộ Khoa học và Công nghệ;

13. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xây dựng các báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện các dự án trên địa bàn theo quy định và báo cáo tổng hợp hàng năm gửi Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 31 tháng 3 và 30 tháng 9 hàng năm.

14. Phối hợp với các ban ngành có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ cơ quan chủ trì dự án xây dựng kế hoạch triển khai nhân rộng kết quả của các dự án thuộc Chương trình vào sản xuất đại trà;

15. Tổ chức sơ kết và tổng kết đánh giá kết quả hoạt động của các dự án thuộc Chương trình được triển khai trên địa bàn của địa phương.

Điều 12.

Cơ quan chủ trì thực hiện dự án có nhiệm vụ và trách nhiệm sau đây:

1. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện đầy đủ các điều cam kết trong hợp đồng. Đảm bảo điều kiện về cơ sở hạ tầng, nhân lực, kinh phí để hỗ trợ cơ quan chuyển giao công nghệ và chủ nhiệm dự án thực hiện dự án;

2. Bảo đảm kinh phí thực hiện dự án theo đúng thuyết minh được phê duyệt và thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định; chịu trách nhiệm về việc quản lý và sử dụng kinh phí, vật tư, tài sản của dự án theo nội dung và dự toán đã được phê duyệt;

3. Hỗ trợ chủ nhiệm dự án, cơ quan chuyển giao công nghệ trong việc điều phối kế hoạch tiến độ triển khai thực hiện các nội dung và nghiệp vụ quản lý kinh phí theo quy định hiện hành;

4. Phối hợp với chính quyền địa phương lồng ghép các nội dung của dự án với các dự án thuộc các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác và các chương trình mục tiêu quốc gia, huy động các nguồn vốn khác để cùng với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước đảm bảo đủ kinh phí thực hiện dự án;

5. Đánh giá tình hình thực hiện dự án và khối lượng công việc đã thực hiện hàng năm của dự án;

6. Báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố những vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kiến nghị, đề xuất giải pháp xử lý đối với các dự án uỷ quyền cho địa phương quản lý;

7. Báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Ban Chỉ đạo Chương trình và Bộ Khoa học và Công nghệ những vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kiến nghị, đề xuất giải pháp xử lý đối với các dự án do Trung ương quản lý;

8. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở đối với các dự án thuộc Chương trình;

9. Xây dựng kế hoạch và tổ chức nhân rộng kết quả của dự án thuộc Chương trình vào sản xuất đại trà.

Điều 13.

Chủ nhiệm dự án có nhiệm vụ và trách nhiệm sau đây:

1. Chủ động thực hiện nội dung, dự toán kinh phí đã được phê duyệt và thực hiện quyết toán kinh phí của dự án theo quy định;

2. Chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả thực hiện và hiệu quả sử dụng kinh phí của dự án, thực hiện những điều cam kết trong hợp đồng, tự đánh giá khối lượng công việc đã thực hiện;

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định về tình hình triển khai dự án, tình hình sử dụng kinh phí của dự án cho Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chương trình, Ban Chỉ đạo Chương trình, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ, bao gồm:

a. Báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ 6 tháng 1 lần theo Biểu mẫu quy định;

b. Báo cáo khối lượng công việc đã thực hiện hàng năm và quyết toán kinh phí hàng năm của dự án để làm cơ sở cho việc cấp tiếp kinh phí;

- c. Báo cáo tổng kết dự án theo Biểu mẫu quy định.
 - d. Báo cáo quyết toán kinh phí của dự án;
4. Bàn giao kết quả và sản phẩm của dự án theo quy định;
5. Chịu sự giám sát và kiểm tra tình hình thực hiện dự án của Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, Ban Chỉ đạo Chương trình, cơ quan chủ trì dự án và các cơ quan có thẩm quyền khác.

Điều 14.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện một trong những tình hình sau thì Bộ Khoa học và Công nghệ và các bên tham gia hợp đồng thực hiện dự án và hợp đồng chuyển giao công nghệ của dự án đều có thể đưa ra kiến nghị điều chỉnh, đình chỉ hoặc huỷ bỏ hợp đồng:

- a. Do ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh như: thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, ... khiến chủ nhiệm dự án, cơ quan chủ trì và tổ chức chuyển giao công nghệ không thể tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng;
- b. Chủ nhiệm dự án, cơ quan chủ trì dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ không bảo đảm đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, kinh phí đối ứng và các điều kiện khác để thực hiện dự án như đã cam kết trong hợp đồng;
- c. Chủ nhiệm dự án, cơ quan chủ trì dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ không đủ năng lực tổ chức quản lý thực hiện các nội dung dự án theo hợp đồng;
- d. Sử dụng kinh phí của dự án sai mục đích.

Điều 15.

1. Đối với các dự án do Trung ương quản lý, cơ quan có dự án bị đình chỉ hoặc huỷ bỏ hợp đồng phải ngừng mọi hoạt động của dự án và báo cáo bằng văn bản về những công việc đã triển khai, kinh phí đã sử dụng, trang thiết bị máy móc đã mua sắm cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Căn cứ vào tình hình cụ thể của từng dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét giải quyết.

2. Đối với các dự án uỷ quyền cho địa phương quản lý, đơn vị có dự án bị đình chỉ hoặc huỷ bỏ hợp đồng phải ngừng mọi hoạt động của dự án và báo cáo bằng văn bản về những công việc đã triển khai, kinh phí đã sử dụng, trang thiết bị máy móc đã mua sắm cho Sở Khoa học và Công nghệ. Căn cứ vào tình hình cụ thể của từng dự án, Sở Khoa học và Công nghệ kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét giải quyết và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ bằng văn bản.

Chương III

QUẢN LÝ KINH PHÍ VÀ TÀI SẢN

Điều 16.

1. Kinh phí của Chương trình, dự án phải được sử dụng đúng mục đích và bảo đảm hiệu quả theo dự toán đã được phê duyệt và theo các quy định về quản lý tài chính hiện hành.

2. Mọi điều chỉnh so với mục tiêu, nội dung và dự toán kinh phí ban đầu đã được phê duyệt của Chương trình, đối với dự án do Trung ương quản lý phải được Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và phê duyệt trên cơ sở kiến nghị bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ và Ban Chỉ đạo Chương trình.

3. Mọi điều chỉnh so với mục tiêu, nội dung và dự toán kinh phí ban đầu đã được phê duyệt của dự án do địa phương quản lý phải được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét và phê duyệt trên cơ sở kiến nghị bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ bằng văn bản.

Điều 17.

1. Tài sản được đầu tư từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp cho dự án là tài sản Nhà nước. Đơn vị được Nhà nước giao nhiệm vụ mua sắm, quản lý sử dụng có trách nhiệm chấp hành đúng chế độ hiện hành về mua sắm, quản lý sử dụng tài sản Nhà nước.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đánh giá, nghiệm thu chính thức dự án, đơn vị sử dụng tài sản phải báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định phương án xử lý tài sản.

3. Những nội dung cụ thể về quản lý tài chính và tài sản của Chương trình được quy định trong thông tư liên tịch của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ số 39/2005/TTLT/BTC-BKHCN ngày 23 tháng 5 năm 2005.

Điều 18.

1. Đối với những dự án hoàn thành đúng thời hạn hoặc vượt mức những nội dung đặt ra và tạo ra những kết quả xuất sắc, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ cùng với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân chủ trì dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ.

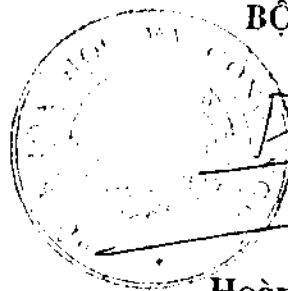
2. Tổ chức và cá nhân vi phạm hoặc làm trái các quy định quản lý Chương trình phải chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định hiện hành.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

BỘ TRƯỞNG



Hoàng Văn Phong